**1.6.4. Dạng câu hỏi về danh động từ và động từ nguyên mẫu**

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: ***Giaoandethitienganh.info***  Mong bạn ghé ủng hộ !

| **NHỮNG CẤU TRÚC VỀ DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU THÔNG DỤNG** | | |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CẤU TRÚC** | **NGHĨA** |
| 1 | not bother to do sth | chả buồn làm việc gì |
| 2 | accuse sb of doing sth | buộc tội ai đó đã làm gì |
| 3 | admit doing sth | thừa nhận làm điều gì |
| 4 | advise sb to do sth advise doing sth | khuyên ai đó làm việc gì khuyên làm gì |
| 5 | afford to do sth | có đủ khả năng để làm việc gì |
| 6 | agree to do sth | đồng ý làm việc gì đó |
| 7 | aim at doing sth = aim to do sth | nhằm mục đích làm việc gì |
| 8 | allow/permit sb to do sth = let sb do sth be allowed/permitted to do sth allow/permit doing sth | cho phép ai làm việc gì được phép làm gì cho phép làm gì |
| 9 | apologize to sb for doing sth | xin lỗi ai đó vì điều gì/làm gì |
| 10 | appreciate doing sth | đánh giá cao việc làm gì |
| 11 | arrange to do sth | sắp xếp để làm việc gì |
| 12 | ask/tell sb to do sth | yêu cầu/bảo ai làm việc gì |
| 13 | assist sb in doing sth | hỗ trợ ai đó làm gì |
| 14 | attempt/try to do sth try doing sth | cố gắng làm việc gì thử làm gì |
| 15 | avoid doing sth | tránh làm điều gì |
| 16 | be (un)able to do sth | (không) có khả năng làm gì |
| 17 | be (un)willing to do sth | (không) sẵn lòng làm việc gì |
| 18 | be about to do sth | chuẩn bị làm gì đó |
| 19 | be afraid to do sth = be afraid of doing sth | sợ làm gì đó |
| 20 | be ashamed to do sth | xấu hổ khi làm gì |
| 21 | be banned from doing sth | bị cấm làm gì |
| 22 | be busy doing sth | bận làm việc gì |
| 23 | be criticized for sth/doing sth | bị chỉ trích vì việc gì/làm việc gì |
| 24 | be determined to do sth | quyết tâm làm việc gì |
| 25 | be disappointed to do sth | thất vọng khi phải làm điều gì |
| 26 | be eligible to do sth | đủ điều kiện để làm gì |
| 27 | be encouraged to do sth encourage sb to do sth encourage doing sth | được khuyến khích làm cái gì khuyến khích ai làm gì khuyến khích làm gì |
| 28 | be expected to do sth expect sb do sth expect to do sth | được mong đợi, dự kiến hoặc yêu cầu làm gì đó mong đợi ai làm gì mong đợi làm gì |
| 29 | be forced to do sth = be made to do sth make sb do sth = force sb to do sth | bị ép phải làm gì bắt, ép ai đó làm việc gì |
| 30 | be glad/happy to do sth | rất vui khi làm điều gì |
| 31 | be hard to do sth | khó để làm điều gì |
| 32 | be hopeful of doing sth | hy vọng làm điều gì |
| 33 | be intended to be/do sth | được dự định, có mục đích là hoặc nhằm để làm gì đó |
| 34 | be keen to do sth | thích thú, hứng thú làm việc gì |
| 35 | be likely to do sth | có khả năng, có vẻ sắp làm điều gì đó |
| 36 | be lucky to do sth | may mắn khi làm gì |
| 37 | be motivated to do sth motivate sb to do sth | được thúc đẩy để làm gì thúc đẩy, tạo động lực cho ai đó làm gì |
| 38 | be pleased to do sth | rất vui khi làm điều gì |
| 39 | be prepared to do sth = be ready to do sth | sẵn sàng để làm điều gì đó |
| 40 | be rude to do sth | thật thô lỗ khi làm việc gì |
| 41 | be sorry to do sth | lấy làm tiếc khi làm gì |
| 42 | be supposed to do sth | đáng lẽ phải làm gì |
| 43 | be surprised to do sth | ngạc nhiên khi làm điều gì |
| 44 | be used for doing sth = be used to do sth | được dùng để làm gì |
| 45 | be used to doing sth used to do sth | quen làm một việc gì đó thường làm gì nhưng giờ không còn nữa |
| 46 | be worth doing sth | đáng làm điều gì |
| 47 | beg sb to do sth | cầu xin ai làm gì đó |
| 48 | blame sb for doing sth | đổ lỗi cho ai đó vì đã làm gì |
| 49 | can’t help/stand doing sth | không thể chịu đựng được việc làm gì |
| 50 | can’t wait to do sth | nóng lòng muốn làm gì đó |
| 51 | choose to do sth | chọn làm điều gì |
| 52 | claim to do sth | tuyên bố làm gì |
| 53 | congratulate sb on doing sth | chúc mừng ai đó vì đã gì |
| 54 | consider doing sth | cân nhắc làm việc gì đó |
| 55 | convince sb to do sth | thuyết phục ai làm điều gì |
| 56 | criticize sb for doing sth | phê bình, trách cứ ai đó vì đã gì |
| 57 | dare sb to do sth | thách ai đó làm điều gì |
| 58 | decide to do sth = make a decision to do sth | quyết định làm gì |
| 59 | delay doing sth | trì hoãn việc làm gì |
| 60 | demand to do sth | yêu cầu làm việc gì đó |
| 61 | deny doing sth | phủ nhận đã làm việc gì |
| 62 | deter sb from doing sth | ngăn cản ai làm điều gì |
| 63 | determine to do sth | quyết tâm làm điều gì |
| 64 | dread doing sth | sợ làm điều gì đó |
| 65 | empower sb to do sth | trao quyền cho ai để làm việc gì |
| 66 | enable sb to do sth | cho phép ai đó làm việc gì |
| 67 | enjoy/love/live/fancy doing sth hate/dislike/detest doing sth | thích làm việc gì ghét làm gì |
| 68 | fail to do sth | không làm được việc gì |
| 69 | feel like doing sth | cảm thấy thích làm việc gì |
| 70 | finish doing sth | hoàn thành việc gì |
| 71 | forget doing sth forget to do sth | quên đã làm gì quên phải làm gì |
| 72 | get sick from doing sth | bị ốm vì làm việc gì đó |
| 73 | had better do sth | tốt hơn là nên làm việc gì |
| 74 | have a choice to do sth | có sự lựa chọn để làm điều gì |
| 75 | have ability to do sth | khả năng làm điều gì |
| 76 | have sb do sth = get sb to do sth | nhờ ai đó làm gì |
| 77 | have the right to do sth | có quyền làm việc gì đó |
| 78 | hear/see/notice ... sb do sth | nghe thấy/nhìn thấy/nhận ra ... ai đó làm gì |
| 79 | hear/see/notice ... sb doing sth | nghe thấy/nhìn thấy/nhận ra ... ai đó đang làm gì |
| 80 | help (sb) (to) do sth | giúp (ai đó) làm cái gì |
| 81 | hesitate to do sth | do dự khi làm việc gì |
| 82 | hope to do sth | hy vọng làm điều gì |
| 83 | How/what about + ving = Why not + V(bare) = Why don’t we + V(bare) | được dùng để đề xuất một ý tưởng hoặc gợi ý làm gì đó |
| 84 | imagine doing sth | tưởng tượng làm việc gì |
| 85 | in an attempt to do sth | trong nỗ lực để làm điều gì đó |
| 86 | in order to do sth = so as to do sth = to do sth | để làm gì |
| 87 | insist on doing sth | khăng khăng đòi làm việc gì |
| 88 | inspire sb to do sth | truyền cảm hứng cho ai đó làm việc gì |
| 89 | instead doing sth | thay vì làm gì |
| 90 | instruct sb to do sth | hướng dẫn ai làm việc gì đó |
| 91 | intend to do sth | có ý định làm gì |
| 92 | invite sb to do sth | mời ai đó làm gì |
| 93 | involve doing sth | liên quan đến việc làm gì đó |
| 94 | it is essential to do something | điều cần thiết là phải làm gì đó |
| 95 | it’s compulsory to do sth | bắt buộc phải làm điều gì |
| 96 | it’s easy/difficult/important/useful/convenient to do sth | nó dễ/khó/quan trọng/hữu ích/thuận tiện để làm việc gì |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 97 | it’s normal to do sth | đó là bình thường khi làm gì |
| 98 | it’s one’s duty to do sth | đó là bổn phận của ai để làm gì |
| 99 | it’s time to do sth | đã đến lúc phải làm gì |
| 100 | keep doing sth | tiếp tục làm gì |
| 101 | learn to do sth | học cách làm gì |
| 102 | make plans to do sth | lập kế hoạch để làm gì |
| 103 | manage to do sth = succeed in doing sth | thành công khi làm việc gì |
| 104 | mean doing sth | đồng nghĩa với việc gì |
|  | mean to do sth | có ý định làm gì |
| 105 | mind doing sth | ngại/phiền làm điều gì đó |
| 106 | mislead sb into doing sth | lừa dối ai đó làm việc gì |
| 107 | miss doing sth | bỏ lỡ việc gì đó |
| 108 | need doing sth = need to be done | cái gì cần được làm |
|  | need sb to do sth | cần ai đó làm việc gì |
|  | need to do sth | cần làm gì |
| 109 | object to doing sth | phản đối làm gì |
| 110 | offer to do sth | đề nghị làm gì |
| 111 | order sb to do sth | ra lệnh cho ai đó làm gì |
| 112 | persuade sb to do sth | thuyết phục ai làm việc gì đó |
| 113 | plan to do sth = plan on doing sth | lên kế hoạch làm gì |
| 114 | postpone doing sth | trì hoãn làm việc gì |
| 115 | practice doing sth | luyện tập làm việc gì |
| 116 | prefer doing sth to doing sth | thích làm gì hơn làm gì |
|  | prefer to do sth/doing sth | thích làm gì hơn |
| 117 | pretend to do sth | giả vờ làm việc gì |
| 118 | prevent sb from doing sth | ngăn cản ai làm điều gì |
| 119 | promise to do sth | hứa sẽ làm gì đó |
| 120 | propose to do sth | đề xuất làm việc gì đó |
| 121 | punish sb for doing sth | trừng phạt ai đó vì đã làm điều gì |
| 122 | push sb to do sth | ép ai đó làm gì |
| 123 | recommend doing sth | đề nghị làm việc gì |
|  | recommend sb to do sth | đề nghị ai làm điều gì |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 124 | refuse to do sth | từ chối làm việc gì đó |
| 125 | regret doing sth | hối tiếc vì đã làm gì |
|  | regret to do sth | rất tiếc khi phải làm gì |
| 126 | remember doing sth | nhớ đã làm gì |
|  | remember to do sth | nhớ phải làm gì |
| 127 | remind sb to do sth | nhắc ai làm việc gì |
| 128 | risk doing sth | liều lĩnh làm điều gì |
| 129 | seem to do sth | có vẻ như làm gì |
| 130 | spend/waste time doing sth | dành thời gian/lãng phí thời gian làm gì |
| 131 | start/begin to do sth/doing sth | bắt đầu làm việc gì |
| 132 | stop doing sth | dừng hẳn làm việc gì |
|  | stop to do sth | dừng lại để làm việc đó |
| 133 | stop sb from doing sth | ngăn chặn ai làm gì đó |
| 134 | struggle to do sth | gặp khó khăn khi làm điều gì đó |
| 135 | suggest doing sth | gợi ý làm điều gì đó |
| 136 | teach sb (how) to do sth | dạy ai (cách) làm việc gì |
| 137 | tend to do sth | có xu hướng làm gì |
| 138 | thank sb for doing sth | cảm ơn ai vì đã làm gì |
| 139 | there is no use/good doing sth = there is no point in doing sth | vô ích khi làm điều gì |
| 140 | threaten to do sth | đe dọa làm điều gì |
| 141 | urge sb to do sth | thúc giục ai đó làm việc gì |
| 142 | volunteer to do sth | tình nguyện làm việc gì |
| 143 | want (sb) to do sth | muốn (ai) làm điều gì đó |
| 144 | warn sb against doing sth = warn sb not to do sth | cảnh báo ai đó không được làm việc gì |
| 145 | wish to do sth | mong ước là làm việc gì |
| 146 | would like/love to do sth | muốn/thích làm điều gì |
| 147 | would rather + V(bare) | thích làm gì hơn |
|  | would rather + V(bare) + than + V(bare) | thích làm gì hơn làm gì |

**BÀI TẬP VẬN DỤNG**

***Read the following leaflets/announcements/advertisements and mark the letter A, B, C or D to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 55.***

**Unlock Your Potential with MindBridge Learning!**

Looking to boost your academic journey? At MindBridge Learning, we aim (**1**) \_\_\_\_\_\_ personalized tutoring that helps every student succeed.

Our mission is not just to teach students to pass exams, but also to inspire them (**2**) \_\_\_\_\_\_ learning. We encourage (**3**) \_\_\_\_\_\_ critical thinking and avoid spoon-feeding information. Every tutor is trained to tailor lessons to your needs, helping you stay motivated and engaged.

Many students admit **(4**) \_\_\_\_\_\_ to stay focused during traditional classes. That’s why we offer flexible sessions that (**5**) \_\_\_\_\_\_ you to learn at your own pace. We’re always happy to guide parents in choosing the right plan.

We also recommend (**6**) \_\_\_\_\_\_ time doing review exercises daily – it’s key to long-term success! You’ll be surprised at how much you can achieve by simply (**7**) \_\_\_\_\_\_ to believe in yourself.

Parents are (**8)** \_\_\_\_\_\_ to monitor their child’s progress through regular reports. We believe in transparency and communication.

Whether you aim to enter top universities or just (**9**) \_\_\_\_\_\_ to build strong study habits, we’re here to help.

Don’t (**10**) \_\_\_\_\_\_ improving your future. Book your free consultation today and experience a smarter way to learn!

**Questions 1:** A. to providing B. at providing C. providing D. provide

**Questions 2:** A. to love B. to loving C. loving D. love

**Questions 3:** A. to practice B. to practicing C. practicing D. practice

**Questions 4:** A. struggling B. struggle C. to struggling D. with struggling

**Questions 5:** A. let B. expect C. allowed D. permit

**Questions 6:** A. to spend B. spending C. to spending D. spend

**Questions 7:** A. starting B. avoiding C. imagining D. motivating

**Questions 8:** A. determined B. forced C. intended D. encouraged

**Questions 9:** A. want B. consider C. hesitate D. promise

**Questions 10:** A. admit B. finish C. deny D. postpone

**Discover Living Culture – Join the Heritage Walk Today!**

Are you curious about the traditions that shape our identity? The City Heritage Walk invites you (**11**) \_\_\_\_\_\_ culture, not just observe it.

We would like you to join our guided walk through historic districts, where you’ll learn stories that textbooks can’t offer. Many participants say they can’t (**12**) \_\_\_\_\_\_ feeling connected to their roots after the tour.

This is not just a sightseeing activity – it’s a chance to interact with local artists, to listen to traditional music, and to taste authentic dishes passed down through generations.

We don’t expect you (**13**) \_\_\_\_\_\_ anything beforehand – just bring your curiosity! Our guides are (**14**) \_\_\_\_\_\_ to answer questions and to share personal experiences from growing up in the area.

You’ll also have the opportunity to try (**15**) \_\_\_\_\_\_ folk items, such as bamboo toys or calligraphy. Most guests end up (**16**) \_\_\_\_\_\_ handmade souvenirs as reminders of a rich cultural day.

We believe that to preserve culture, one must (**17**) \_\_\_\_\_\_ living it. By participating, you’re supporting community artists and traditions that deserve to be celebrated.

🌿 Don’t just read about culture — become part of it.  
📅 Tours run every Saturday and Sunday.  
📌 Book your spot now. We can’t (**18**) \_\_\_\_\_\_ to welcome you!

**Questions 11:** A. to inviting B. invite C. to invite D. inviting

**Questions 12:** A. help B. expect C. wish D. hope

**Questions 13:** A. to knowing B. to know C. know D. knowing

**Questions 14:** A. essential B. compulsory C. lucky D. happy

**Questions 15:** A. crafting B. to crafting C. to craft D. crafted

**Questions 16:** A. to buying B. to buy C. buy D. buying

**Questions 17:** A. pretend B. suggest C. recommend D. enjoy

**Questions 18:** A. help B. wait C. expect D. agree

**ANNOUNCEMENT: Open Auditions for Campus Film Project!**

We are thrilled to announce the launch of our annual Campus Film Project 2025, and we’re looking for passionate students to bring their creative visions to life!

Whether you’ve always (**19**) \_\_\_\_\_\_ of acting, considered directing, or simply enjoy helping behind the scenes, this is your chance to shine. No prior experience is required – just the willingness to learn and collaborate.

Auditions will take place next week. Participants will be (**20**) \_\_\_\_\_\_ to perform a short scene and may also be interviewed about their interests. We (**21**) \_\_\_\_\_\_ arriving early to complete registration.

Those selected will work closely with professional mentors and have the opportunity to assist in producing a short film from start to finish. Past students have (**22**) \_\_\_\_\_\_ to win regional awards for their work!

We strongly encourage applying as a team, but individual applications are also welcome. Please note: filming will require dedication, and we do not recommend joining if you're unwilling (**23**) \_\_\_\_\_\_ time and energy.

We look forward (**24**) \_\_\_\_\_\_ your talent in action!

📍 Sign up by March 30 via the university website

✉️ For questions, contact: [filmclub@university.edu](mailto:filmclub@university.edu)

🎬 Lights, camera... your moment is here!

**Questions 19:** A. accused B. dreamed C. congratulated D. prevented

**Questions 20:** A. ordered B. advised C. asked D. pushed

**Questions 21:** A. advise B. remind C. urge D. persuade

**Questions 22:** A. succeeded B. expected C. intended D. managed

**Questions 23:** A. to committing B. to commit C. commit D. committing

**Questions 24:** A. seeing B. to see C. to seeing D. having seen

**Think Loud – Join the Future of Digital Journalism!**

Are you passionate about storytelling in the age of social media? At Think Loud, we’re looking for bold minds ready to shape the next wave of journalism.

We believe that being a journalist today means more than writing – it means (**25**) \_\_\_\_\_\_ how to capture stories, daring to challenge misinformation, and refusing (**26**) \_\_\_\_\_\_ silent when truth matters.

You’ll be trained by experienced editors who won’t just tell you what to do – they’ll empower you (**27**) \_\_\_\_\_\_ critically, push you (**28**) \_\_\_\_\_\_ new formats, and motivate you to share your voice.

We also (**29**) \_\_\_\_\_\_ you how to manage deadlines, to build your audience, and to stay ethical in the face of viral trends. Our program isn’t for those afraid (**30**) \_\_\_\_\_\_ hard questions – we want curious learners who are (**31**) \_\_\_\_\_\_ to dive into the real world.

Many of our graduates have gone on to become leading content creators, reporters, and podcast hosts.

🖊️ If you're ready to make your voice heard, apply today. Your story could be the one that changes everything.  
🌐 Visit [www.thinkloudmedia.org](http://www.thinkloudmedia.org) to learn more.  
📅 Applications close May 15.

**Question 25:** A. to know   B. know   C. knowing   D. to knowing

**Question 26:** A. to stay   B. staying   C. to stay   D. stay

**Question 27:** A. thinking   B. to think   C. think   D. to thinking

**Question 28:** A. to exploring  B. explore   C. exploring   D. to explore

**Question 29:** A. teach   B. arrange   C. claim   D. know

**Question 30:** A. to ask   B. of asking   C. to asking   D. Both A and B are correct

**Question 31:** A. busy   B. likely   C. ready   D. ashamed

**Healthy Habits, Happy Life – Join Our Wellness Program Today!**

Feeling tired, stressed, or out of balance? Our Wellness365 program is here to (**32**) \_\_\_\_\_\_ you take control of your health – one small step at a time.

We understand how hard it is to maintain a routine, which is why we’ve created a flexible, science-backed system that anyone can follow. Whether you're planning (**33**) \_\_\_\_\_\_ your energy, reduce anxiety, or simply enjoy feeling better, we’ve got something for you.

Our coaches will support you without judgment. We never (**34**) \_\_\_\_\_\_ anyone for struggling – we know that building habits takes time. Instead, we focus on celebrating your progress and encouraging you to (**35**) \_\_\_\_\_\_ moving forward.

You’ll learn how to set realistic goals, to eat mindfully, and to stay active without (**36**) \_\_\_\_\_\_ out. Most importantly, we teach you to listen to your body, not trends.

Workshops are held weekly, both in-person and online. We recommend starting with our “30 Days to Recharge” plan, specially designed for busy people. You won’t regret (**37**) \_\_\_\_\_\_ your well-being a priority.

✅ Join hundreds who’ve transformed their lives with us – your health is worth it.  
 📱 Sign up at [www.wellness365.org](http://www.wellness365.org)  
 📍 Locations available in all major cities.

**Question 32:** A. beg   B. warn   C. help   D. convince

**Question 33:** A. to boost   B. to boosting   C. boost   D. boosting

**Question 34:** A. apologize   B. blame   C. accuse   D. thank

**Question 35:** A. risk   B. appreciate   C. delay   D. keep

**Question 36:** A. to burning   B. to burn   C. burning   D. burn

**Question 37:** A. to make   B. making   C. make   D. to making

**For a Better Community – Let’s Act Together Today!**

Our neighborhoods don’t change by chance — they change because people (**38**) \_\_\_\_\_\_ to do something meaningful. At WeTogether, we believe that small actions can lead to big impact, and we’re calling on everyone to step up.

We strongly urge all residents (**39**) \_\_\_\_\_\_ our upcoming Clean & Green Week. Whether you’re cleaning a sidewalk or planting a tree, you’re shaping a safer, friendlier environment for all.

We’d also like to (**40**) \_\_\_\_\_\_ young people against littering in public areas. Not only does it harm the environment, but new policies may also punish repeat offenders for doing so.

Our team (**41**) \_\_\_\_\_\_ to start weekend workshops where locals can share skills—from repairing furniture to growing vegetables. We’d (**42**) \_\_\_\_\_\_ build solutions than wait for problems to grow.

Some say “why bother?” But the truth is, there’s no (**43**) \_\_\_\_\_\_ complaining without contributing. We’d prefer working together (**44**) \_\_\_\_\_\_ in silence, and we believe you would too.

We encourage everyone to reflect. Would you rather take pride in your home, or watch it decline? The answer is clear.  
It seems to be a small step, but when you stop (**45**) \_\_\_\_\_\_ issues and stop to offer help, change begins.

🛠️ Let’s create the community we all deserve.  
 📅 First event: Saturday, April 12  
 🌐 Visit [www.wetogether.org](http://www.wetogether.org) to sign up or propose your own initiative!

**Question 38:** A. volunteer   B. object   C. mind   D. insist

**Question 39:** A. joining   B. to joining   C. to join   D. join

**Question 40:** A. persuade   B. require   C. warn   D. deter

**Question 41:** A. demands   B. proposes   C. affords   D. fails

**Question 42:** A. better   B. like   C. prefer   D. rather

**Question 43:** A. use   B. goods   C. point   D. worth

**Question 44:** A. to sit   B. sitting   C. to sitting   D. sit

**Question 45:** A. ignoring   B. to ignore   C. to ignoring   D. ignore

**📚 Rediscovering the Joy of Reading in the Digital Age**

In an era where screens dominate our time, reviving the reading culture may seem challenging—but it’s absolutely worth (**46**) \_\_\_\_\_\_.

Many young people (**47**) \_\_\_\_\_\_ books regularly, but now they are often too busy (**48**) \_\_\_\_\_\_ through social media. Even when they’re about (**49**) \_\_\_\_\_\_ a book, a notification can instantly interrupt them.

It’s hard to focus in such a noisy world, but those who still read say they’re (**50**) \_\_\_\_\_\_ to slow down and reconnect with deeper thinking. Reading is not only (**51**) \_\_\_\_\_\_ to entertain, but also to educate, to inspire, and to build empathy—skills we’re in danger of losing.

Sadly, some students are (**52**) \_\_\_\_\_\_ to read only for school exams, which makes them see books as a burden. Others feel they are supposed (**53**) \_\_\_\_\_\_ long classics just to impress others. That’s not how passion is built.

Instead, we should promote access**.** Students shouldn’t be banned (**54**) \_\_\_\_\_\_ books due to small library fees. Everyone should be (**55**) \_\_\_\_\_\_ to read, regardless of background. Some governments are determined to support public libraries, and that gives us hope.

If we make reading a habit again, we’re likely to rediscover not only stories, but also ourselves.

**Question 46:** A. to do   B. doing   C. to doing   D. do

**Question 47:** A. are used to reading   B. used to read

C. are used for reading   D. are used to read

**Question 48:** A. scrolling   B. to scroll   C. to scrolling   D. scroll

**Question 49:** A. to starting   B. starting   C. to start   D. for starting

**Question 50:** A. surprised   B. unable   C. eligible   D. glad

**Question 51:** A. determined   B. intended   C. disappointed   D. surprised

**Question 52:** A. persuaded   B. encouraged   C. expected   D. forced

**Question 53:** A. to finish   B. finish   C. to finishing   D. finishing

**Question 54:** A. to banning   B. to ban   C. from borrowing   D. banning

**Question 55:** A. eligible   B. hopeful   C. willing   D. lucky

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: ***Giaoandethitienganh.info***  Mong bạn ghé ủng hộ !